

Số: **2218**/KH-UBND

Bố Trạch, ngày **20** tháng 12 năm 2018

**KẾ HOẠCH
XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN CÁC TRƯỜNG HỌC
THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN, ĐẶC CÁCH NGƯỜI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
LOẠI GIỎI, THẠC SĨ VÀ NGƯỜI CÓ KINH NGHIỆM CÔNG TÁC NĂM 2018**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Thông tư số 05/2016/TT-BGDĐT ngày 21/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định thời gian tập sự theo chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 6134/BNV-CCVC ngày 23/11/2017 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn cách tính thời gian công tác xét tuyển đặc cách viên chức ngành giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn một số nội dung về công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND huyện Bố Trạch về giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo năm 2018;

Căn cứ Công văn số 2023/SNV-CCVC ngày 28/11/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định Kế hoạch xét tuyển giáo viên năm 2018 của huyện Bố Trạch.

2. Căn cứ thực tiễn

Căn cứ thực trạng đội ngũ giáo viên và nhu cầu xét tuyển giáo viên của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc UBND huyện quản lý.

- Giáo viên MN giao 777, đã tuyển dụng 658, chưa tuyển dụng 119.
- Giáo viên TH giao 936, đã tuyển dụng 829, chưa tuyển dụng 107.
- Giáo viên THCS giao 700, đã tuyển dụng 640, chưa tuyển dụng 60.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu và hình thức xét tuyển

1.1. Chỉ tiêu: 58 chỉ tiêu

- Xét tuyển theo chế độ cử tuyển: Giáo viên Tiểu học 02 chỉ tiêu;
- Xét tuyển đặc cách người tốt nghiệp đại học loại giỏi: Giáo viên Mầm non 10 chỉ tiêu, Giáo viên Tiểu học 17 chỉ tiêu;
- Xét tuyển đặc cách người có kinh nghiệm công tác: Giáo viên Mầm non 09 chỉ tiêu, Giáo viên Tiểu học 09 chỉ tiêu, Giáo viên THCS 11 chỉ tiêu;

(Cụ thể có biểu Phụ lục số 01 đính kèm)

1.2. Hình thức xét tuyển

- Xét kết quả học tập bao gồm điểm học tập và điểm tốt nghiệp của người dự tuyển.
- Kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

2. Vị trí việc làm cần xét tuyển

Có 10 vị trí. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển *(có biểu Phụ lục số 02a, 02b, 02c đính kèm)*.

3. Nội dung xét tuyển

3.1. Đối tượng, điều kiện đăng ký dự tuyển

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có đơn đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;

- Có đủ sức khỏe để hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Có đủ tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp (theo Phụ lục số 02a, 02b, 02c đính kèm);

- Đặc cách người có kinh nghiệm công tác: Là những người có kinh nghiệm công tác theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP hiện đang công tác trong ngành hoặc lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cần tuyển; có thời gian liên tục từ đủ 36 tháng trở lên thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển (không kể thời gian tập sự, thử việc). *Trường hợp hợp đồng liên tục các năm học mà thời gian công tác trong năm học có gián đoạn trong các trường hợp: thời gian nghỉ sinh theo quy định (không quá 6 tháng/lần sinh); thời gian nghỉ ốm có giấy chứng nhận điều trị nội trú của bệnh viện tuyến huyện trở lên; thời gian nghỉ hè hàng năm thì thời gian công tác hàng năm được trừ đi thời gian đã nghỉ (nghỉ sinh, nghỉ ốm, nghỉ hè) và cộng dồn các năm thành thời gian công tác liên tục. Các trường hợp gián đoạn khác không được xem xét.* Trong thời gian hợp đồng không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật, được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng được ngay yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Đặc cách người tốt nghiệp đại học loại giỏi, tốt nghiệp thạc sĩ: Người tốt nghiệp đại học loại giỏi, tốt nghiệp thạc sĩ ở trong nước và ngoài nước theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng; trường hợp sau khi tốt nghiệp đã có thời gian công tác thì phải công tác trong ngành hoặc lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cần tuyển, trong thời gian công tác không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian này;

- Những người sau đây không được đăng ký dự xét tuyển đặc cách: Mất hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Mỗi người đăng ký dự tuyển nộp 02 bộ hồ sơ, bao gồm:

- Đơn xin xét tuyển (theo mẫu);
- Bản sao Giấy khai sinh;
- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- Bản sao bằng chuyên môn, bằng điểm học tập (*đối với những người đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì bằng kết quả học tập phải được quy ra thang điểm 10*), chứng chỉ nghiệp vụ, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;
- Bản ghi quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội (do cơ quan BHXH huyện xác nhận) tính đến ngày nộp hồ sơ (nếu có);
- Bản khai quá trình công tác và quá trình tham gia BHXH tính đến ngày nộp hồ sơ của giáo viên đang hợp đồng (*đối với xét tuyển đặc cách kinh nghiệm*);
- Bản chính hoặc phô tô có chứng thực Quyết định hợp đồng lao động hoặc Bản

hợp đồng lao động (đối với xét tuyển đặc cách kinh nghiệm);

- Bản tự nhận xét, đánh giá hàng năm của người dự xét tuyển về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác và các hình thức khen thưởng (đối với xét tuyển đặc cách kinh nghiệm);

- Bản nhận xét và xác nhận hàng năm của thủ trưởng đơn vị nơi người dự xét tuyển công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đối với xét tuyển đặc cách kinh nghiệm);

- Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;

Lưu ý: Người dự tuyển chỉ được nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển ở một vị trí xét tuyển (có quy định mã dự tuyển). Những người đăng ký dự tuyển từ 02 vị trí xét tuyển trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển trong kỳ tuyển dụng này.

Hồ sơ dự tuyển không trả lại.

3.3. Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/thí sinh (theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính).

3.4. Thời hạn thu nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân huyện thành lập Tổ thu nhận, kiểm tra, rà soát hồ sơ, hướng dẫn ôn tập; thu lệ phí của người dự tuyển trong 20 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. Thời gian tổ chức phỏng vấn sẽ có thông báo sau khi niêm yết danh sách những người đủ điều kiện dự tuyển.

3.5. Nội dung kiến thức ôn tập liên quan đến nội dung xét tuyển

(Theo Phụ lục số 03 đính kèm)

3.6. Cách tính điểm

a. Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

b. Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

c. Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

d. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

e. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính theo quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm d Mục 3.6 này.

Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính tại Điểm c và Điểm d Mục 3.6 này.

(Lưu ý: đối với những người đăng ký xét tuyển vào vị trí giáo viên THCS có 02 bằng chuyên môn phù hợp với vị trí cần tuyển thì điểm học tập và điểm tốt nghiệp là điểm trung bình của 02 bằng).

3.7. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Người trúng tuyển khi có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự trình độ chuyên môn từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của vị trí việc làm (thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp);
- Trường hợp có 02 người trở lên có cùng trình độ đào tạo thì người có tổng điểm xét tuyển cao hơn là người trúng tuyển. Nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì người có điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển, nếu điểm phỏng vấn bằng nhau nữa thì lấy trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Không thực hiện bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

4. Thẩm quyền tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc

UBND huyện thành lập Hội đồng Kiểm tra sát hạch, Quyết định tuyển dụng sau khi có kết quả thẩm định của Sở Nội vụ; Hiệu trưởng các trường học ký hợp đồng làm việc với người được tuyển dụng sau khi thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ.

5. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện xét tuyển xét tuyển giáo viên theo chế độ cử tuyển, đặc cách người tốt nghiệp đại học loại giỏi, thạc sĩ và đặc cách người có kinh nghiệm công tác đảm bảo đúng quy trình tuyển dụng. /

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Quang Vũ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÒ TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TỔNG HỢP

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC TRƯỜNG HỌC
VÀ NHU CẦU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN

(Kèm theo Kế hoạch số 2218/KH-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện)

T T	Vị trí việc làm	SL Giáo viên giao năm 2018	SL Giáo viên đã TD	SL Giáo viên chưa TD	Đăng ký xét tuyển	Vị trí xét tuyển
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>
A	Xét theo chế độ cử tuyển				02	
1	Trường TH số 1 Thượng Trạch	24	17	07	01	GV9 môn
2	Trường TH số 2 Thượng Trạch	29	26	03	01	GV9 môn
B	Xét đặc cách người tốt nghiệp đại học loại giỏi, thạc sĩ				27	
I	Khối Mầm non				10	
1	Trường MN Thanh Trạch	46	38	08	01	GVMN
2	Trường MN Sơn Lộc	15	10	05	01	GVMN
3	Trường MN Nhân Trạch	37	23	14	02	GVMN
4	Trường MN Hoàn Trạch	16	10	06	02	GVMN
5	Trường MN Vạn Trạch	28	20	08	01	GVMN
6	Trường MN Sơn Trạch	52	36	16	03	GVMN
II	Khối Tiểu học				17	
1	Trường TH số 1 Thanh Trạch	34	28	06	01	GV9 môn
2	Trường TH số 2 Thanh Trạch	18	17	01	01	GV9 môn
3	Trường TH Phú Trạch	17	13	04	01	GV9 môn
4	Trường TH Tây Trạch	21	17	04	02	GV9 môn
5	Trường TH Phú Định	14	11	03	01	GV9 môn
6	Trường TH số 1 Cự Nẫm	23	14	09	02	GV9 môn
7	Trường TH số 2 Cự Nẫm	17	6	11	03	GV9 môn
8	Trường TH số 1 Hưng Trạch	22	15	07	02	GV9 môn
9	Trường TH số 4 Hưng Trạch	29	22	07	01	GV9 môn
10	Trường TH số 4 Sơn Trạch	27	24	03	01	GV9 môn
11	Trường TH&THCS Sơn Lộc	11	07	04	01	GV9 môn
12	Trường TH&THCS Hưng Trạch	08	05	03	01	GV9 môn

mu huan

T T	Vị trí việc làm	SL Giáo viên giao năm 2018	SL Giáo viên đã TD	SL Giáo viên chưa TD	Đăng ký xét tuyển	Vị trí xét tuyển
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>
C	Xét đặc cách người có kinh nghiệm công tác				29	
I	Khối Mầm non				09	
1	Trường MN Vạn Trạch	28	20	08	01	GVMN
2	Trường MN Tây Trạch	22	18	04	01	GVMN
3	Trường MN Phúc Lý	18	15	03	01	GVMN
4	Trường MN Đại Phương	20	16	04	01	GVMN
5	Trường MN Bắc Trạch	25	19	06	01	GVMN
6	Trường MN Hoàn Lão	23	18	05	01	GVMN
7	Trường MN Nam Trạch	13	09	04	01	GVMN
8	Trường MN Hoàn Trạch	16	10	06	01	GVMN
9	Trường MN Phú Trạch	16	12	04	01	GVMN
II	Khối Tiểu học				09	
1	Trường TH số 1 Cự Nẫm	23	14	09	01	GV9 môn
2	Trường TH số 1 Thanh Trạch	34	28	06	01	GV9 môn
3	Trường TH số 2 Sơn Trạch	28	21	07	01	GV9 môn
4	Trường TH số 2 Xuân Trạch	20	18	02	01	GV9 môn
5	Trường TH&THCS Nhân Trạch	11	09	02	01	GV9 môn
6	Trường TH số 1 Thượng Trạch	24	16	08	01	GVTD kiểm ĐĐ
7	Trường TH số 2 Cự Nẫm	17	06	11	01	GVAN
8	Trường TH Hạ Trạch	22	18	04	01	GVTD
9	Trường TH Nhân Trạch	28	26	02	01	GVTD
III	Khối THCS				11	
1	Trường THCS Phúc Trạch	43	35	08	02	GV Văn
2	Trường THCS Phú Định	11	10	01	01	GV Văn
3	Trường THCS Thanh Trạch	48	43	05	01	GV Toán tin
4	Trường THCS Vạn Trạch	22	19	03	01	GV Toán lý
5	Trường TH&THCS Tân Trạch	13	10	03	01	GV Toán lý
6	Trường THCS Sơn Trạch	44	39	05	01	GV Toán lý
7	Trường THCS Bắc Trạch	19	16	03	01	GV Toán lý
8	Trường THCS Hải Trạch	29	28	01	01	GVĐĐ
9	Trường TH&THCS Hưng Trạch	10	06	04	01	GVTA
10	Trường THCS số 2 Hưng Trạch	24	15	09	01	GVTA
	Tổng cộng (A+B+C):				58	

[Signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒ TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN**

(theo chế độ cử tuyển)

(Kèm theo Kế hoạch tuyển dụng số 22/8 /KH-UBND ngày 20 /12/2018 của UBND huyện)

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
*	Giáo viên Tiểu học 9 môn						
1	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 1 Thượng Trạch	CT01	Trung cấp Sư phạm Tiểu học, Trung cấp Giáo dục Tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
2	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 2 Thượng Trạch	CT02	Trung cấp Sư phạm Tiểu học, Trung cấp Giáo dục Tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
	Tổng cộng:	02					

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN**

(theo hình thức đặc cách người tốt nghiệp đại học loại giỏi, thạc sĩ)

(Kèm theo Kế hoạch tuyển dụng số 2218/KH-UBND ngày 20 /12/2018 của UBND huyện)

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
I	Giáo viên Mầm non tốt nghiệp đại học loại giỏi, thạc sĩ	10					
1	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Thanh Trạch	GM01	Đại học Sư phạm Mầm non, Đại học Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
2	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Sơn Lộc	GM02	Đại học Sư phạm Mầm non, Đại học Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
3	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	02	Giáo viên MN Trường MN Nhân Trạch	GM03	Đại học Sư phạm Mầm non, Đại học Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
4	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	02	Giáo viên MN Trường MN Hoàn Trạch	GM04	Đại học Sư phạm Mầm non, Đại học Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B

Tran Hong

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
5	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Vạn Trạch	GM05	Đại học Sư phạm Mầm non, Đại học Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
6	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	03	Giáo viên MN Trường MN Sơn Trạch	GM06	Đại học Sư phạm Mầm non, Đại học Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
II	Giáo viên Tiểu học 9 môn tốt nghiệp đại học loại giỏi, thạc sĩ	17					
1	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 1 Thanh Trạch	GT01	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
2	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 2 Thanh Trạch	GT02	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
3	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH Phú Trạch	GT03	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
4	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	02	Giáo viên TH Trường TH Tây Trạch	GT04	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
5	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH Phú Định	GT05	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
6	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	02	Giáo viên TH Trường TH số 1 Cự Năm	GT06	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
7	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	03	Giáo viên TH Trường TH số 2 Cự Năm	GT07	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
8	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	02	Giáo viên TH Trường TH số 1 Hưng Trạch	GT08	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B

Đã xem

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
9'	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 4 Hưng Trạch	GT09	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
10	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 4 Sơn Trạch	GT10	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
11	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH&THCS Sơn Lộc	GT11	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
12	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH&THCS Hưng Trạch	GT12	Đại học Sư phạm Giáo dục tiểu học, Đại học Giáo dục tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
	Tổng cộng (I+II):	27					

Th

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN**

(theo hình thức đặc cách người có kinh nghiệm công tác)
(Kèm theo Kế hoạch tuyển dụng số 22/8/KH-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện)



TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
1	2	3	4	5	6	7	8
	Xét đặc cách người có kinh nghiệm công tác						
A	Khởi Mầm non	09					
I	Giáo viên MN	09					
1	Giáo viên hàng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Vân Trạch	KM01	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
2	Giáo viên hàng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Tây Trạch	KM02	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
3	Giáo viên hàng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Phúc Lý	KM03	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B

Đính kèm

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
4	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Đại Phương	KM04	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
5	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Bắc Trạch	KM05	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
6	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Hoàn Lão	KM06	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
7	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Nam Trạch	KM07	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
8	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Hoàn Trạch	KM08	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
9	Giáo viên hạng IV V.07.02.06 trở lên	01	Giáo viên MN Trường MN Phú Trạch	KM09	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
B	Khối Tiểu học	09					
I	Giáo viên TH 9 môn	05					
1	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 1 Cự Nẫm	KT01	Trung cấp Sư phạm Tiểu học, Trung cấp Giáo dục Tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
2	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 1 Thanh Trạch	KT02	Trung cấp Sư phạm Tiểu học, Trung cấp Giáo dục Tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
3	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 2 Sơn Trạch	KT03	Trung cấp Sư phạm Tiểu học, Trung cấp Giáo dục Tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
4	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 2 Xuân Trạch	KT04	Trung cấp Sư phạm Tiểu học, Trung cấp Giáo dục Tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B

nam han

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
5	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH&THCS Nhân Trạch	KT05	Trung cấp Sư phạm Tiểu học, Trung cấp Giáo dục Tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
II	Giáo viên Âm nhạc	01					
1	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 2 Cự Nẫm	KT06	Cao đẳng Sư phạm Âm nhạc trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
III	Giáo viên Thể dục	02					
1	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH Hạ Trạch	KT07	Cao đẳng Sư phạm Thể dục Thể thao, Sư phạm Giáo dục thể chất trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
2	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH Nhân Trạch	KT08	Cao đẳng Sư phạm Thể dục Thể thao, Sư phạm Giáo dục thể chất trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
IV	Giáo viên Thể dục kiêm Đoàn đội	01					
1	Giáo viên hạng IV V.07.03.09 trở lên	01	Giáo viên TH Trường TH số 1 Thượng Trạch	KT09	Cao đẳng Sư phạm Thể dục Thể thao, Sư phạm Giáo dục thể chất có chứng chỉ Đoàn đội trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
C	Khối THCS	11					
I	Giáo viên Văn	03					
1	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	02	Giáo viên Trường THCS Phúc Trạch	KV01	Cao đẳng Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Văn học hoặc Cao đẳng Văn học có chứng chỉ sư phạm trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
2	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	01	Giáo viên Trường THCS Phú Định	KV02	Cao đẳng Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Văn học hoặc Cao đẳng Văn học có chứng chỉ sư phạm trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B

Đề nghị

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
II	Giáo viên Toán Tin	01					
1	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	01	Giáo viên Trường THCS Thanh Trạch	KTT01	Cao đẳng trở lên các ngành Sư phạm về Toán Tin hoặc các ngành Toán Tin có chứng chỉ sư phạm	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
III	Giáo viên Toán Lý	04					
1	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	01	Giáo viên Trường THCS Vạn Trạch	KTL01	Cao đẳng trở lên các ngành Sư phạm về Toán Lý hoặc các ngành Toán Lý có chứng chỉ sư phạm	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
2	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	01	Giáo viên Trường TH&THCS Tân Trạch	KTL02	Cao đẳng trở lên các ngành Sư phạm về Toán Lý hoặc các ngành Toán Lý có chứng chỉ sư phạm	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
3	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	01	Giáo viên Trường THCS Sơn Trạch	KTL03	Cao đẳng trở lên các ngành Sư phạm về Toán Lý hoặc các ngành Toán Lý có chứng chỉ sư phạm	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
4	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	01	Giáo viên Trường THCS Bắc Trạch	KTL04	Cao đẳng trở lên các ngành Sư phạm về Toán Lý hoặc các ngành Toán Lý có chứng chỉ sư phạm	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
IV	Giáo viên Đoàn đội	01					
1	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	01	Giáo viên Trường THCS Hải Trạch	KĐĐ01	Cao đẳng trở lên các ngành Giáo dục chính trị, Sư phạm GD&ĐT có chứng chỉ Đoàn đội hoặc ngành Sư phạm GD&ĐT-Đoàn đội	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
V	Giáo viên Tiếng anh	02					
1	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	01	Giáo viên Trường TH&THCS Hưng Trạch	KTA01	Cao đẳng Sư phạm Tiếng Anh hoặc Cao đẳng Tiếng Anh có chứng chỉ sư phạm trở lên (và có trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	Chứng chỉ B	

trần hân

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
2	Giáo viên hạng III V.07.04.12 trở lên	01	Giáo viên Trường THCS số 2 Hưng Trạch	KTA02	Cao đẳng Sư phạm Tiếng Anh hoặc Cao đẳng Tiếng Anh có chứng chỉ sư phạm trở lên (và có trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	Chứng chỉ B	
	Tổng cộng (A+B+C):	29					

[Signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG KIẾN THỨC ÔN TẬP XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2218/KH-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện)

1. Kiến thức chung:

Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ về quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Luật Giáo dục năm 2005 (số 38/2005/QH 11), Luật Giáo dục sửa đổi năm 2009 (số 44/2009/QH 12);

2. Nghiệp vụ chuyên ngành:

2.1. Dự tuyển vào viên chức Giáo viên Mầm non

Điều lệ trường Mầm non (Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015);

Chương trình Giáo dục Mầm non (Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT);

Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên Mầm non (Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT);

Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên Mầm non (Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Thông tư Liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Phương pháp, nghiệp vụ dạy học của giáo viên mầm non;

2.2. Dự tuyển vào viên chức Giáo viên Tiểu học

Điều lệ trường Tiểu học (Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014);

Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học (Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018);

Quy định đánh giá và xếp loại học sinh Tiểu học Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016);

Quy định về giáo dục và hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật (Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2006);

Thông tư Liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Phương pháp, nghiệp vụ dạy học của giáo viên Tiểu học;

2.3.3. Dự tuyển vào viên chức Giáo viên THCS

2.3. Dự tuyển vào viên chức Giáo viên THCS

Điều lệ trường THCS (Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011);

Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS (Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018);

Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS (Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011);

Thông tư Liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Phương pháp, nghiệp vụ dạy học của giáo viên THCS;